

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày 07/01/2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 306/NHNoIGĐGL-GUQ ngày 31/10/2019 của Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai):* Bà Lê Nguyễn Thanh U; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H, bà Nguyễn Thị N, cháu Ngô Thị Diễm K (sinh năm 2005) và cháu Ngô Bảo Yến N1 (sinh năm 2014); Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. (Bà N có mặt; bà H, cháu K, và cháu N1 đều vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1: Bà Đỗ Thị H (Là mẹ của cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai (Ngân hàng) có cho ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1518/2018/HĐTD ngày 21/5/2018, số tiền vay là 320.000.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc 1,5 ha cà phê, chăn nuôi bò và mua vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 21/5/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 21/02/2019 ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 67.563.716 đồng và 21.378.766 đồng tiền lãi. Do ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H vi phạm nghĩa vụ

trả nợ nên từ ngày 21/5/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên có Hợp đồng thế chấp tài sản số 960518/HĐTC ngày 19/5/2018 được ký giữa Ngân hàng với ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 01, 23 thuộc tờ bản đồ số 38 tại thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 100805 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/01/2002 cho ông Ngô Văn Anh D. Ngày 20/7/2018 ông Ngô Văn Anh D chết theo khai tử số 29 ngày 06/8/2019. Do bà Đỗ Thị H và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D không thỏa thuận được về việc trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị H cùng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 phải trả số tiền nợ gốc là 252.436.284 đồng, nợ lãi tính đến ngày 07/01/2020 gồm nợ lãi trong hạn là 6.086.135 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.964.157 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh cho đến ngày bà Đỗ Thị H cùng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 trả hết nợ cho Ngân hàng. Nghĩa vụ trả nợ được tính theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Đỗ Thị H cùng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 không trả được số nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 960518/HĐTC ngày 19/5/2018 được ký giữa Ngân hàng với ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H.

2. Bị đơn Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N là mẹ của ông Ngô Văn Anh D. Ngày 20/7/2018 ông Ngô Văn Anh D chết do tai nạn giao thông, khi chết không để lại di chúc. Bà N cũng được biết về việc trước khi chết thì vợ chồng ông D, bà H có vay vốn của Ngân hàng và thế chấp bằng quyền sử dụng đất của ông D. Do bà H không hợp tác nên gia đình chưa trả nợ cho Ngân hàng để lấy lại đất. Bà N đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng liên quan đến quyền lợi của bà theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Đỗ Thị H, Ngô Thị Diễm K và Ngô Bảo Yên N1 đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng bà H có tình trốn tránh, không đưa các cháu Kiều và cháu N1 đến làm việc và không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 hợp đồng tín dụng (bản sao); 02 bảng kê tính lãi; 01 đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bản sao); 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (bản sao); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao); 01 quyết định số 600/QĐ-HĐTV ngày 23/4/2012 (bản sao); 01 quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 (bản sao); 01 quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ số 287/QĐ-NHNN-TCTL ngày 22/02/2019 (bản sao); 01 quyết định về ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng N ngày 23/4/2012 (bản sao); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản photocopy); 01 giấy trích lục khai tử (bản photocopy); 01 biên bản xác minh (bản photocopy); 01 Công văn số 1558/CAH-QLHC ngày 10/10/2019 (bản sao); 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình

(bản phô tô); 01 bản tự khai; 01 biên bản xác minh ngày 21/10/2019 của Tòa án; 01 biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2019.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn Đỗ Thị H, Ngô Thị Diễm K và Ngô Bảo Yến N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về vay tài sản và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Đỗ Thị H, Ngô Thị Diễm K và Ngô Bảo Yến N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 1518/2018/HĐTD ngày 21/5/2018 giữa nguyên đơn với ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Ngày 20/7/2018 ông Ngô Văn Anh D chết do tai nạn giao thông, khi chết không để lại di chúc. Bà Đỗ Thị H và những người kế thừa nghĩa vụ do người chết là ông D để lại gồm bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu họ phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 615 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bị đơn là bà Đỗ Thị H cùng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ. Tính đến thời điểm xét xử, số tiền nợ là 282.486.576 đồng, trong đó nợ gốc là 252.436.284 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.086.135 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.964.157 đồng. Khoản tiền nợ nói trên là nợ chung của ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H nên ông D và bà H mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ này, tương ứng với số tiền là $282.486.576 \text{ đồng} / 2 = 141.243.288 \text{ đồng}$. Ông D chết không để lại di chúc, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1 cũng không có thỏa thuận phân chia nghĩa vụ về tài sản nên những người này mỗi người phải thực

hiện nghĩa vụ tương ứng với phần nghĩa vụ của ông D được chia là số tiền 141.243.288 đồng/4 = 35.310.822 đồng. Tuy nhiên phần nghĩa vụ nói trên đối với người kế thừa nghĩa vụ chỉ nằm trong phạm vi di sản là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng do ông D để lại.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H có giao kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 960518/HĐTC ngày 19/5/2018. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 01, 23 thuộc tờ bản đồ số 38 tại thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 100805 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/01/2002 cho ông Ngô Văn Anh D. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2019 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bà Đỗ Thị H là người phải chịu nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc bà Đỗ Thị H phải hoàn lại cho Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ là 176.545.110 đồng x 5% = 8.827.256 đồng; Bị đơn Nguyễn Thị N là người cao tuổi (trên 70 tuổi) và các cháu Ngô Thị Diễm K, cháu Ngô Bảo Yến N1 đều là trẻ em nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 307, Điều 463, Điều 466, Điều 615, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc bà Đỗ Thị H cùng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày 07/01/2020 là 282.486.576 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 252.436.284 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng), nợ lãi

trong hạn là 6.086.135 đồng (Sáu triệu không trăm tám mươi sáu nghìn một trăm ba mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 23.964.157 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).

Chia theo phần nghĩa vụ, buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là 176.545.110 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm mười đồng), trong đó tiền nợ riêng là 141.243.288 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), tiền nợ do kế thừa nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là 35.310.822 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn tám trăm hai mươi hai đồng); Buộc bà Nguyễn Thị N, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 mỗi người phải trả cho Ngân hàng N tiền nợ do kế thừa nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là 35.310.822 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 do kế thừa nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D mỗi người là 35.310.822 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh chỉ nằm trong phạm vi di sản do ông Ngô Văn Anh D để lại là Quyền sử dụng đất tại thửa số 01, 23 thuộc tờ bản đồ số 38, thị trấn Ia Kha, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 100805 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/01/2002 cho ông Ngô Văn Anh D, đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 960518/HĐTC ngày 19/5/2018 được ký giữa Ngân hàng N với ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H.

3. Trong trường hợp bà Đỗ Thị H cùng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D là bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 không trả đủ số tiền nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa số 01, 23 thuộc tờ bản đồ số 38, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 100805 do UBND huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/01/2002 cho ông Ngô Văn Anh D theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 960518/HĐTC ngày 19/5/2018 được ký giữa Ngân hàng N với ông Ngô Văn Anh D và bà Đỗ Thị H.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán phần nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 do kế thừa nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D mỗi người là 35.310.822 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tổng cộng là 141.243.288 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng N phải tự chịu đối với số tiền còn thiếu; Trường hợp xử lý tài sản thế chấp đủ để thanh toán phần nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yên N1 do kế thừa nghĩa vụ của ông Ngô Văn Anh D mỗi người là 35.310.822 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tổng cộng là 141.243.288 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh còn thừa thì sẽ dùng để thanh toán cho khoản nợ còn lại của bà Đỗ Thị H là 141.243.288 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh; Trường hợp xử lý tài sản thế chấp đủ để thanh toán tất cả nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H,

cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1 tổng cộng là 282.486.576 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh còn thừa thì phần tiền còn thừa được xác định là di sản còn lại của ông Ngô Văn Anh D và trả lại cho bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N, bà Đỗ Thị H, cháu Ngô Thị Diễm K và cháu Ngô Bảo Yến N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với phần nghĩa vụ của mình theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc bà Đỗ Thị H phải trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.827.256 đồng (Tám triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng); Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N và các cháu Ngô Thị Diễm K, Ngô Bảo Yến N1; Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.836.528 đồng (Sáu triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005809 ngày 18/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự quyền kháng cáo đề nghị yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính